TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - A** **TỈNH A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2025
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - A

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết V

2. Ông Phan Thanh L

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Đào Nguyên Q - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - A.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - A tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Th - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/8/2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 và Thông báo dời ngày xét xử số 320/TB-TA ngày 21/11/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H; số CCCD: 051303003684; sinh ngày 10/4/2003; Nơi thường trú: Tổ dân phố M, phường N, tỉnh Q; Chỗ ở hiện nay: 447 B, khu phố 21, phường B, thành phố C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Cai Thành J; số CCCD: 052098005843; sinh ngày 25/6/1998; Nơi cư trú: Thôn D, xã E, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày*: Chị và anh Cai Thành J có thời gian tự tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã F, huyện E, tỉnh G(nay là xã E, tỉnh A) vào

ngày 04/7/2023. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại xã F (nay là xã E). Vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc nguyên nhân là do anh J không lo làm ăn, công việc không ổn định, không chăm lo cho đời sống gia đình dẫn đến vợ chồng bất hoà, thường xuyên cãi nhau nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ tháng 03/2025 chị và anh J không còn chung sống với nhau nữa, trong thời gian không sống chung chị và anh J không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến đời sống của ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với anh Cai Thành J.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Cai Thành K, sinh ngày 06/02/2024 hiện đang được anh Cai Thành J nuôi dưỡng. Ly hôn chị Phạm Thị Thu H đồng ý giao cháu Cai Thành K cho anh Cai Thành J tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Thu H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 11/2025.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn anh Cai Thành J đã được Tòa án nhân dân khu vực 3 - A tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Cai Thành J không đến Tòa làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi Toà án nhân dân khu vực 3 - A.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Cai Thành J.

2. Về con chung: Giao cháu Cai Thành K, sinh ngày 06/02/2024 cho anh Cai Thành J tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Thu H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Cai Thành J được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng chị Phạm Thị Thu H và anh Cai Thành J.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Cai Thành J có thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2023, được UBND xã F, huyện E, tỉnh G (nay là xã E, tỉnh A) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh J phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung từ tháng 03/2025. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Cai Thành J mặc dù biết Toà án đang thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thu H nhưng không đến Toà án để đưa ra ý kiến, tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Điều này thể hiện anh J không có thiện chí cũng không tha thiết đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Mặc khác, qua xác minh mẹ ruột của anh Cai Thành J là bà Trịnh Thị L xác định nguyên nhân vợ chồng Phạm Thị Thu H, Cai Thành J mâu thuẫn là do Cai Thành J không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, cả hai hiện không còn sống chung. Trong thời gian không sống chung giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Cai Thành J cũng không có biện pháp tích cực để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Cai Thành J đã căng thẳng và thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Cai Thành J là phù hợp với thực tế mâu thuẫn.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Thu H xác định vợ chồng có 01 người con tên Cai Thành K, sinh ngày 06/02/2024. Chị Phạm Thị Thu H yêu cầu giao con chung cho anh J tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn. Xét trong thời gian chị Phạm Thị Thu H và anh Cai Thành J không sống chung, cháu Cai Thành K mặc dù chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng được anh Cai Thành J chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Cai Thành K phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Do đó căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thu H giao cháu Cai Thành K cho anh Cai Thành J tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thu H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 11/2025. Căn cứ vào Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình buộc chị Phạm Thị Thu H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi người con Cai Thành K, sinh ngày 06/02/2024, 2.000.000 đồng/tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 11/2025 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án thì chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ mục 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu H. Cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Cai Thành J.

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1 Giao người con tên Cai Thành K, sinh ngày 06/02/2024 cho anh Cai Thành J tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2/ Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Phạm Thị Thu H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi người con Cai Thành K, sinh ngày 06/02/2024, 2.000.000 đồng/tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 11/2025 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thoả thuận, nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

3/ Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001717 ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh A. Chị Phạm Thị Thu H còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu H và anh Cai Thành J vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án TAND tỉnh A;
- VKSND khu vực 3 - A;
- Phòng THADS khu vực 3 - A ;
- UBND xã F, huyện E,tỉnh G (nay là xã E, tỉnh A)
(GCNKH số 44/2023 ngày 04/7/2023);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân T